

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2017/HSST

Ngày: 25-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bạ, Cán bộ hưu trí phường Văn An;

2. Ông Nguyễn Văn Thành, Cán bộ hưu trí xã Văn Đức;

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Kim Giang - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:* Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại Nhà văn hóa khu dân cư N, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm, lưu động, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2017/HSST ngày 08/6/2017 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Hoàng A**, Sinh năm 1992; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 và bà Mạc Thị V, sinh năm 1975; gia đình có hai anh em bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Lê Thị Kiều T, sinh năm 1992; có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo hiện đang bị tạm giam theo Lệnh tạm giam số 49, ngày 28/7/2017 của Công an thị xã Chí Linh trong vụ án khác; có mặt.

2. **Nguyễn Việt Q**, Sinh năm: 1990; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn T, xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Trình độ văn hóa: 9/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1962; Con bà: Vũ Thị H, sinh năm 1966; Gia đình có hai anh em bị cáo là con thứ hai. Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo hiện tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. **Nguyễn Văn D**, Sinh năm: 1990; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn T, xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Trình độ văn hóa: 12/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1966; Con bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1968; Gia đình có hai chị em bị cáo là con thứ hai; Vợ: Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo hiện đang tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. **Nguyễn Văn Đ**, Sinh năm: 1990; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn T, xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hóa: 3/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1957; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; Gia đình có ba chị em bị cáo là con thứ ba; Vợ: Dương Thị T, sinh năm 1995; có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: chưa; hiện đang tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. **Hoàng Văn K**, Sinh năm: 1990; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn T, xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Trình độ văn hóa: 9/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Hoàng Quốc T, sinh năm 1947 (đã chết), Con bà: Phan Thị L, sinh năm 1948; Gia đình có năm chị em bị cáo là con thứ năm; Vợ: Trần Thị L, sinh năm 1990; có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: chưa; hiện đang tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. **Nguyễn Tiến Đ1**, Sinh năm: 1986; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn T, xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương; trình độ văn hóa: 12/12, nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1962; con bà: Dương Thị H, sinh năm 1964 (đã chết); Gia đình có hai anh em bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Trần Thị Y, sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo hiện đang tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. **Nguyễn Văn T**, Sinh năm: 1987; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn T, xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Trình độ văn hóa: 5/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1957; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; Gia đình có ba chị em bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo hiện tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. **Nguyễn Trọng N**, Sinh năm: 1987; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương; nơi ở: Thôn T1, xã Đ, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Trình độ văn hóa: 9/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1957; Con bà: Nguyễn Thị S, sinh năm 1956; Gia đình có hai anh em bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1994; có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo hiện đang tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Việt Q, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Đ, Hoàng Văn K, Nguyễn Tiến Đ1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trọng N bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 03/4/2017, Nguyễn Văn D, Nguyễn Việt Q, Nguyễn Trọng N đến nhà Nguyễn Hoàng A chơi, cả bốn người gặp nhau tại khu vực sân kho thôn T, xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Hoàng A nói với D và Q “vào Ma oản làm tý” (ý nói vào trong nghĩa trang thôn T để đánh bạc), Q và D đồng ý, cả ba đi bộ ra nghĩa trang thôn T, N thấy Hoàng A, Q, D đi nên cũng đi theo. Trên đường đi Hoàng A dùng điện thoại của mình (điện thoại đen trắng, không nhớ nhãn hiệu và số điện thoại) gọi điện cho Nguyễn Văn Đ hỏi “có đi chơi không, đang ở đâu” (ý nói có đánh bạc không), Đ trả lời “có, đang ra đây rồi”. Khi đến nghĩa trang thôn T, Hoàng A lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở giữa hai kiêu gạch, nhặt loại bỏ hết các quân bài có hình đầu người và cây bài 10 ra, còn lại 36 cây bài để đánh “ba cây”, D, Q, Đ thấy Hoàng A nhặt hết quân bài người ra thì hiểu là đánh “ba cây” được thua bằng tiền, cả 4 người cùng nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền bằng hình thức ba cây.

Cách thức chơi một người cầm chương chia cho những người chơi mỗi người ba cây bài, người chơi sẽ cộng ba cây bài lại để tính điểm để tính thắng thua với người cầm chương, ai cộng được số điểm là 9 hoặc 10 điểm thì sẽ thắng nhận đôi số tiền đã đặt cửa ban đầu, nếu người cầm chương được 9 hoặc 10 điểm cũng sẽ thắng của người chơi gấp đôi số tiền đã đặt cửa, nếu người chơi cộng điểm lại bằng với người cầm chương thì sẽ so đến chất, bài theo thứ tự chất “Rô, cơ, tép, bích”. Về mức độ sát phạt thấp nhất là 50.000 đồng, người chơi có thể đặt cao hơn tùy theo người cầm chương; ai được số điểm 10 thì sẽ được cầm chương.

Hoàng A, Q, D, Đ cùng nhau đánh bạc đến khoảng 13 giờ thì có Hoàng Văn K và Nguyễn Tiến Đ1 đến tham gia cùng chơi. Hoàng A, D, Q, Đ, K, Đ1 chơi bài đến khoảng 15 giờ 30 phút thì có Nguyễn Văn T đến tham gia cùng chơi. Trong khi các bị can Hoàng A, D, Q, Đ, K, Đ1, T đánh bạc thì N đứng ngoài xem đến khoảng 15 giờ 45 cùng ngày Q đi mua nước uống và nhờ N đánh bạc hộ, N đồng ý. Q đưa bài và toàn bộ số tiền dưới chiếu bạc của Q cho N cầm để N chơi. N chơi đánh bạc cùng với các bị can Hoàng A, D, Đ, K, Đ1, T được khoảng 5 đến 7 ván thì Q đi mua nước về. N trả lại bài và tiền cho Q đánh tiếp và lại ngồi ngoài xem. Quá trình đánh bạc: Hoàng A sử dụng số tiền 3.700.000 đồng; Đ1 sử dụng 2.400.000 đồng; D sử dụng 2.000.000 đồng; Q sử dụng 1.200.000 đồng; T sử dụng 1.100.000 đồng; K sử dụng 1.000.000 đồng; Đ sử dụng 670.000 đồng. Hoàng A, Q, D, Đ, K, T, Đ1 đánh bạc đến 16 giờ 10 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an thị xã Chí Linh bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 12.070.000 đồng và 36 quân bài tú lơ khơ. N đã bỏ trốn đến 17 giờ 45 phút cùng ngày ra đầu thú tại Cơ quan Công an thị xã Chí Linh. Chiếc điện thoại di động (kèm sim) của Hoàng A và điện thoại di động (kèm sim) của Đ sử dụng để rủ nhau đi đánh bạc các bị cáo làm rơi mất, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Chí Linh truy tìm nhưng không thấy.

Cáo trạng số 35/VKS-HS, ngày 31/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Việt Q,

Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Đ, Hoàng Văn K, Nguyễn Tiến Đ1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trọng N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bị cáo Hoàng A, Đ, D, Q, T, K, Đ1, N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, không có ý kiến thắc mắc, đề nghị xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng A, Q, D, Đ, K, Đ1, T, N phạm tội “Đánh bạc”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 248, Điều 20, 53; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a, b Điều 41 BLHS. Điều 99; điểm a, c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đối với các bị cáo Hoàng A, Q, D, Đ, Đ1, K, T, N. Khoản 3 Điều 248 BLHS đối với các bị cáo Hoàng A, Q, D, Đ, Đ1, K. Điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS đối với Đ, D, Q, T, K, Đ1, N. Khoản 3 Điều 7, Điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS năm 2015 đối với bị cáo K, Đ. Điều 33 BLHS đối với bị cáo Hoàng A; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS đối với các bị cáo Q, D, Đ, Đ1, K. Điều 31 BLHS đối với các bị cáo T, N.

Xử phạt: Nguyễn Hoàng A từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt giam thi hành án. Các bị cáo Nguyễn Việt Q; Nguyễn Văn D, Nguyễn Tiến Đ1 từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Hoàng Văn K từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; giao bị cáo về UBND nơi cư trú để giám sát và giáo dục; các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Trọng N từ 6 đến 9 tháng cải tạo không gian giữ; khấu trừ từ 5 đến 10% thu nhập của các bị cáo T, N sung quỹ Nhà nước; về hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo Hoàng A, Q, D, Đ, Đ1, K mỗi bị cáo từ 3 đến 5 triệu đồng sung quỹ Nhà nước; về vật chứng: Tịch thu của các bị cáo số tiền 12.070.000đ sung quỹ Nhà nước; tịch thu 36 cây bài tú lơ khơ cho hủy bỏ; các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

XÉT THẤY

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng đã thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: “Khoảng 12 giờ ngày 03/4/2017 tại khu vực sân kho thôn T, xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương; Hoàng A khởi xướng và rủ D, Q, gọi điện rủ Đ đến khu vực nghĩa trang thôn T để đánh bạc; Tại khu vực nghĩa trang thôn T, xã T, Hoàng A cùng Q, D, Đ thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền

dưới hình thức đánh “ba cây”; Đ1, K, T đến sau có tham gia đánh bạc với các đối tượng nêu trên; Q còn rủ rê N giúp sức đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền từ 5 đến 7 ván đến 16 giờ 10 phút cùng ngày thì bị Công an thị xã Chí Linh phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chỗ số tiền 12.070.000 đồng; 36 cây bài tú lơ khơ”.

Các bị cáo Hoàng A, Q, D, Đ, Đ1, K, T, N đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền bằng hình thức đánh ba cây, đã cùng nhau sử dụng số tiền lớn vào việc đánh bạc nên phạm vào tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh xã hội là khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân các bị cáo biết rõ pháp luật quy định nghiêm cấm hành vi đánh bạc trái phép dưới mọi hình thức được thua bằng tiền nhưng với động cơ tư lợi các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh bài ba cây, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây thiệt hại về kinh tế, tài sản của nhau nên phải chịu trách nhiệm hình sự tùy theo vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án cụ thể như sau:

Bị cáo Hoàng A là người khởi xướng việc đánh bạc, trực tiếp rủ D, Q và gọi điện cho Đ rủ đánh bạc; là người chuẩn bị công cụ phạm tội, chuẩn bị bộ bài dùng vào việc phạm tội; tham gia đánh bạc trái phép từ đầu cho đến khi bị bắt giữ, đã sử dụng 3.700.000đ vào việc phạm tội và là người sử dụng số tiền nhiều nhất vào việc phạm tội nên là vai trò chính của vụ án.

Bị cáo Q tham gia đánh bạc trái phép ngay từ đầu đến khi bị bắt giữ, rủ rê bị cáo N giúp sức đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền từ 5 đến 7 ván; đã sử dụng số tiền 1.200.000đ vào việc phạm tội; các bị cáo D, Đ tham gia đánh bạc trái phép ngay từ đầu đến khi bị bắt giữ, trong đó bị cáo D sử dụng 2.000.000đ; Đ sử dụng 670.000đ vào việc phạm tội. Các bị cáo K, Đ1, T đến sau cố ý tham gia đánh bạc trái phép cho đến khi bị bắt giữ trong đó bị cáo Đ1 sử dụng 2.400.000đ; K sử dụng 1.000.000đ; T sử dụng 1.100.000đ vào việc phạm tội nên là người thực hành tội phạm đều có vị trí vai trò thứ 2 của vụ án.

Bị cáo N có mặt ngay từ đầu biết các bị cáo khác đánh bạc trái phép nhưng khi được bị cáo Q rủ rê đã giúp sức cho bị cáo Q tham gia đánh bạc trái phép từ 5 đến 7 ván nên là người thực hành tội phạm ở vai trò giúp sức trong vụ án.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo K có nhân thân xấu, đã bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc cùng với tính chất hành vi phạm tội lần này (Quyết định xử phạt hành chính số 114/QĐ-XPHC ngày 25/6/2011 về hành vi “đánh bạc”, phạt tiền 1.000.000 đồng, đã nộp tiền phạt ngày 29/6/2011); Bị cáo Đ có nhân thân xấu, đã bị

xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc cùng với tính chất hành vi phạm tội lần này (Quyết định xử phạt hành chính số 05/QĐ-XPHC ngày 18/11/2015 về hành vi “đánh bạc”, hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, đã nộp tiền phạt ngày 07/12/2015).

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đ, D, Q, T, K, Đ1, N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS; Các bị cáo Hoàng A, Đ, D, Q, T, K, Đ1, N sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; bị cáo Đ được chính quyền địa phương xác nhận sau khi phạm tội có thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; bị cáo K có bố đẻ ông Hoàng Quốc T là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến; bị cáo Đ có bác ruột ông Nguyễn Đức L là Liệt sỹ hiện gia đình bị cáo đang thờ cúng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 3 Điều 7, Điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS năm 2015.

Xét thấy bị cáo Hoàng A là người khởi sự và rủ rê nhiều người đánh bạc trái phép, là vai trò chính của vụ án; hiện đang bị tạm giam về hành vi vi phạm pháp luật trong vụ án khác nên cần cách ly ra khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung.

Các bị cáo Q, D, K, Đ, Đ1 được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS. Các bị cáo Q, Đ, D chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn tôn trọng quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, chưa bao giờ bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo K đã bị xử phạt vi phạm hành chính cùng tính chất với hành vi phạm tội lần này, tính đến ngày phạm tội lần này đã hết thời hạn nên được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo Đ đã bị xử phạt vi phạm hành chính cùng tính chất với hành vi phạm tội lần này, tính đến ngày phạm tội lần này đã hết thời hạn nên được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, trong vụ án là người dùng số tiền ít nhất vào việc phạm tội, sau khi phạm tội được chính quyền địa phương xác nhận có thái độ ăn năn hối cải, có bác ruột là liệt sỹ mà gia đình bị cáo đang thờ cúng. Các bị cáo Q, Đ, D, K, Đ1 có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách gấp đôi tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách;

Các bị cáo T, N phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi thường trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập sung quỹ Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Hoàng A, Đ, D, Q, K, Đ1 phạm tội vì mục đích tư lợi nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Công an thị xã Chí Linh đã thu giữ số tiền 12.070.000đ của các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; đã thu giữ 36 cây bài tú lơ khơ các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu cho hủy bỏ.

Về án phí: Các bị cáo Hoàng A, Đ, D, Q, T, K, Đ1, N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Việt Q, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Đ, Hoàng Văn K, Nguyễn Tiến Đ1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trọng N phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, Điều 20, 53; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 BLHS năm 1999, xử phạt: **Nguyễn Hoàng A** 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt giam thi hành án;

2. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, Điều 20, 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999, xử phạt: **Nguyễn Việt Q** 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

3. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, Điều 20, 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999, xử phạt: **Nguyễn Văn D** 8 (tám) tháng tù cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

4. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, Điều 20, 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7, Điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS năm 2015, xử phạt: **Hoàng Văn K** 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

5. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, Điều 20, 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7, Điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS năm 2015, xử phạt: **Nguyễn Văn Đ** 9 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

6. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, Điều 20, 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999, xử phạt: **Nguyễn Tiến Đ1** 8 (tám) tháng tù cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao các bị cáo Nguyễn Việt Q, Nguyễn Văn D, Hoàng Văn K, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tiến Đ1 về Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

7. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, Điều 20, 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 31 BLHS năm 1999, xử phạt: **Nguyễn Văn T** 8 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của Nguyễn Văn T sung quỹ Nhà nước; thời gian khấu trừ tính từ ngày chấp hành án đến khi thi hành xong phần hình phạt. Giao Nguyễn Văn T về Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương để giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

8. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, Điều 20, 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 31 BLHS năm 1999, xử phạt: **Nguyễn Trọng N** 6 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của Nguyễn Trọng N sung quỹ Nhà nước; thời gian khấu trừ tính từ ngày chấp hành án đến khi thi hành xong phần hình phạt. Giao Nguyễn Trọng N về Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C, tỉnh Hải Dương để giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo Nguyễn Trọng N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Việt Q, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Tiến Đ1, Hoàng Văn K mỗi bị cáo 3.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 76 BLTTHS:

Tịch thu số tiền đã thu giữ 12.070.000đ của các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Tiến Đ1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Việt Q, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn K, Nguyễn Văn Đ dùng vào việc phạm tội sung quỹ Nhà nước;

Tịch thu 36 cây bài tú lơ khơ của các bị cáo dùng vào việc phạm tội cho hủy bỏ (vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương);

Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Tiến Đ1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Việt Q, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn K, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Trọng N mỗi bị cáo

Hương phải nộp 200.000^d án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Tiến Đ1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Việt Q, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn K, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Trọng N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Chí Linh;
- Công an thị xã Chí Linh;
- Chi cục Thi hành án DS. TX. Chí Linh;
- Sở tư pháp HD;
- Các bị cáo;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngọc